

Số: 595/TTr-CP

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2024

**TỜ TRÌNH**  
**Dự án Luật Dữ liệu**

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Chính phủ trình Quốc hội dự án Luật Dữ liệu như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Chuyển đổi số được Đại hội XIII của Đảng xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, giải pháp đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ công cuộc chuyển đổi số quốc gia, xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số như:

- Công văn số 7455-CV/VPTW ngày 31/7/2023 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo kết luận của Bộ Chính trị về Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia, theo đó Bộ Chính trị đồng ý chủ trương xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia và giao Đảng đoàn Quốc hội phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan theo thẩm quyền.

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định chính sách khoa học và công nghệ cho phát triển công nghiệp: “Khuyến khích đầu tư, phát triển xây dựng các trung tâm dữ liệu lớn; đẩy mạnh phát triển khoa học phân tích, quản lý và xử lý dữ liệu lớn nhằm tạo ra các sản phẩm, tri thức mới”.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư xác định “Xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia. Hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia, các trung tâm dữ liệu vùng và địa phương kết nối đồng bộ và thống nhất”.

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa,

hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định ưu tiên nguồn lực và có cơ chế, chính sách khuyến khích đủ mạnh để phát triển những lĩnh vực ưu tiên; trong đó có phát triển công nghệ số (ưu tiên phát triển trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, internet kết nối vạn vật, thiết bị điện tử - viễn thông, thiết kế và sản xuất chip bán dẫn).

- Điều 62 Hiến pháp năm 2013 cũng quy định: (1) Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; (2) Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; (3) Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ.

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định “đưa Việt Nam trở thành một trong những trung tâm dữ liệu khu vực. Xây dựng các trung tâm dữ liệu gắn với các vùng động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế; phát triển các cụm trung tâm dữ liệu quốc gia tại khu vực phía Bắc và khu vực phía Nam.”

- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 đã xác định xây dựng, phát triển hệ thống dữ liệu phục vụ triển khai Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương.

- Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030 đã giao Bộ Công an thực hiện nhiệm vụ “Xây dựng, vận hành Trung tâm dữ liệu quốc gia. Nâng cao nhận thức của các tổ chức, doanh nghiệp và người dân về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quản trị dữ liệu”.

Bên cạnh đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành nhiều quyết định có tính định hướng quan trọng về phát triển dữ liệu, hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin trong chuyển đổi số ở nước ta như: Chiến lược dữ liệu quốc gia quy định tại Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Đề án xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia quy định tại Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ, Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 quy định tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Do vậy, việc hoàn thiện pháp luật, quy định những chính sách trong phát triển, ứng dụng dữ liệu vào công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội là yêu cầu rất cấp thiết; tạo điều kiện cho mọi người dân được thụ hưởng lợi ích từ hoạt động chuyển đổi số.

## 2. Cơ sở thực tiễn

Nhiều nước trên thế giới đã có quy định về dữ liệu, vận hành, khai thác, sử dụng dữ liệu (dữ liệu của cơ quan nhà nước, của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân) như: (1) Luật Dữ liệu mở (Hàn Quốc); (2) Luật Quản trị dữ liệu của Châu Âu áp dụng cho 27 nước thành viên Liên minh Châu Âu; (3) Đạo luật dữ liệu Châu Âu áp dụng cho 27 nước thành viên Liên minh Châu Âu... Qua đó, tạo cơ chế, chính sách để ứng dụng dữ liệu vào hoạt động quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội.

Ở nước ta, quán triệt, triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, nhất là những vấn đề liên quan đến xây dựng, tạo lập, kết nối, chia sẻ dữ liệu đã đạt được một số kết quả tích cực như: Bước đầu khởi tạo và hình thành được 07 cơ sở dữ liệu quốc gia; một số cơ sở dữ liệu quốc gia đã có sự kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu góp phần cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân; hạ tầng công nghệ xây dựng các trung tâm dữ liệu bước đầu được quan tâm đầu tư hơn...

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế như: (1) Một số bộ, ngành không có hoặc có nhưng chưa đầy đủ hạ tầng để triển khai các hệ thống công nghệ thông tin cốt lõi phục vụ cho các công tác nghiệp vụ; (2) Nhiều cơ sở dữ liệu được thu thập, lưu trữ trùng lặp, chồng chéo, chưa thống nhất về danh mục dữ liệu dùng chung gây khó khăn khi kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu; (3) Các trung tâm dữ liệu đầu tư thiếu đồng bộ, không đồng nhất về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, không thường xuyên được kiểm tra, bảo trì, nâng cấp dẫn đến nguy cơ không bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống; (4) Một số bộ, ngành, địa phương thuê dịch vụ hạ tầng công nghệ thông tin tiềm ẩn nhiều rủi ro về an ninh an toàn thông tin do chưa thực sự quản lý, kiểm soát được dữ liệu nhà nước trên hạ tầng của doanh nghiệp; (5) Nhân lực vận hành, quản trị các hệ thống thông tin vừa thiếu, vừa yếu; (6) Các cơ sở dữ liệu quốc gia theo Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ chưa được xây dựng đầy đủ; (7) Nhiều hệ thống thông tin còn lỗ hổng bảo mật, không đủ điều kiện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; (8) Khó khăn trong việc khai thác, liên thông, cung cấp kịp thời dữ liệu để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công liên thông, phân tích thống kê, đưa ra các chỉ tiêu, chỉ số phục vụ chỉ đạo điều hành của Chính phủ,...

Việc xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung là xu thế chung của các nước trên thế giới hiện nay, ví dụ như: Đan Mạch, Nhật Bản, Trung Quốc... Do vậy, việc định hướng xây dựng, phát triển Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia với vai trò là trụ cột dữ liệu chính để tạo nền tảng cho phát triển Chính phủ số, thúc đẩy kinh tế số và hình thành xã hội số ở nước ta là rất cần thiết; giúp tạo lập, hình thành các hệ thống dữ liệu tin cậy, ổn định của Nhà nước từ đó triển khai các giải pháp kết nối để chia sẻ, sử dụng lại và phát triển các mô hình/ứng dụng phân tích dữ liệu chuyên sâu để tạo ra nhiều giá trị mới, sản phẩm dịch vụ mới và động lực

mới cho phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn chuyển đổi số. Việc đầu tư, nâng cấp, mở rộng, lưu trữ thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia sẽ tiết kiệm rất nhiều so với việc đầu tư các hệ thống riêng biệt để lưu trữ các thông tin này. Các thông tin được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia cũng sẽ được chia sẻ phục vụ để việc khai thác chung cho các bộ, ngành, địa phương; cơ quan quản lý dữ liệu không phải thiết lập thêm các kênh kết nối, chia sẻ riêng đối với các thông tin đã được bổ sung, lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

Qua rà soát, hiện có 69 Luật có quy định về cơ sở dữ liệu (bao gồm cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành), hồ sơ đề nghị xây dựng luật có quy định liên quan đến dữ liệu như Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Luật An ninh mạng, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Viễn thông năm 2023, Luật Công nghệ thông tin, Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số... (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo Báo cáo đánh giá tác động trong hồ sơ dự án luật*). Qua phân tích, thống kê tại các văn bản luật nêu trên thì các luật này đã quy định về 33 cơ sở dữ liệu quốc gia, 39 cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cụ thể:

(1) Về các trường thông tin có trong cơ sở dữ liệu: 16 cơ sở dữ liệu đã quy định rõ các trường thông tin, 30 cơ sở dữ liệu có quy định nhưng chưa cụ thể các trường thông tin, 26 cơ sở dữ liệu không quy định các trường thông tin.

(2) Về mô tả, định nghĩa về cơ sở dữ liệu: 34 cơ sở dữ liệu đã được nêu rõ mô tả, định nghĩa cụ thể; 07 cơ sở dữ liệu có quy định nhưng chưa cụ thể; 31 cơ sở dữ liệu không được định nghĩa.

(3) Về hình thức khai thác, chia sẻ: 18 cơ sở dữ liệu đã được quy định cụ thể về hình thức khai thác, chia sẻ dữ liệu; 14 cơ sở dữ liệu có quy định nhưng chưa cụ thể về hình thức khai thác, chia sẻ; 40 cơ sở dữ liệu không quy định.

Hiện nay trên cơ sở các quy định pháp luật và khảo sát thực tiễn của Bộ Công an các bộ ngành, địa phương đã triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, trong đó có 07 cơ sở dữ liệu quốc gia, gần 100 cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Trong các luật đã rà soát, chỉ có một số luật có quy định về trách nhiệm của cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu trong việc xây dựng, thu thập, quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu. Tuy nhiên, tất cả các luật đều không quy định cụ thể, thống nhất về việc xử lý, quản trị dữ liệu (như việc thu thập, số hóa, bảo đảm chất lượng, lưu trữ dữ liệu...); chưa quy định về nền tảng phát triển, ứng dụng công nghệ cao trong xử lý dữ liệu; chưa quy định việc tạo lập cơ sở dữ liệu được tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, hoạch định đường lối, chính sách, phát triển kinh tế - xã hội, cải cách thủ tục hành chính, dịch vụ công, bảo đảm lợi ích của tổ chức, cá nhân; chưa quy định sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu đang phát triển trên thế giới như sản giao dịch dữ liệu, dịch vụ trung gian dữ liệu, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu...

Trong khi đó, việc thiết lập thị trường dữ liệu, xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu hiện nay lại có vai trò rất quan trọng, nó được xem là yếu tố đột phá để từng bước tạo lập và thúc đẩy mở thị trường dữ liệu, lấy thị trường dữ liệu làm động lực phát triển dữ liệu và kích thích, thúc đẩy chuyển đổi số các ngành, các lĩnh vực, tăng năng lực cạnh tranh, bảo đảm cho tiến trình chuyển đổi số ở nước ta.

Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia đã xác định đến Quý IV năm 2025 Trung tâm dữ liệu quốc gia sẽ đi vào hoạt động, là nơi lưu trữ, tổng hợp, phân tích, điều phối dữ liệu, cung cấp hạ tầng cho các bộ, ngành, địa phương. Do vậy, việc xây dựng Luật Dữ liệu là hết sức quan trọng, cần thiết, cấp thiết để bảo đảm bao quát đầy đủ các nội dung, nhiệm vụ mà Chính phủ đã xác định trong công tác chuyển đổi số; tăng cường sử dụng hiệu quả thông tin trong các cơ sở dữ liệu để phục vụ công tác quản lý nhà nước, vừa khai thác, ứng dụng dữ liệu trong phát triển kinh tế - xã hội, vừa thắt chặt quản lý dữ liệu cá nhân và dữ liệu phi cá nhân, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin.

## **II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT**

### **1. Mục đích ban hành luật**

Việc xây dựng dự án Luật Dữ liệu nhằm mục đích sau:

*Một là, tạo sự thống nhất, đồng bộ, sử dụng hiệu quả dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội.*

Điều chỉnh toàn diện về hoạt động xử lý, quản trị, điều phối dữ liệu; xác định rõ công tác quản lý nhà nước về dữ liệu.

Quy định Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia gồm các dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu khác sẽ là trụ cột dữ liệu chính để tạo nền tảng cho phát triển Chính phủ số, thúc đẩy kinh tế số và hình thành xã hội số; hình thành các hệ thống dữ liệu tin cậy, ổn định phục vụ Nhà nước và doanh nghiệp, người dân; triển khai các giải pháp kết nối để chia sẻ, sử dụng lại và phát triển các mô hình, ứng dụng phân tích dữ liệu chuyên sâu để tạo ra nhiều giá trị mới, sản phẩm dịch vụ mới và động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn chuyển đổi số của nước ta.

*Hai là, phục vụ phát triển Chính phủ số và cải cách, cắt giảm thủ tục hành chính*

Cung cấp hạ tầng phục vụ xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia và tích hợp đồng bộ, liên thông giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia giúp phát triển Chính phủ số, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tăng cường minh bạch, gia tăng sự hài lòng của người dân với hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước.

Hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành, hoạch định chính sách của Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương trên nền tảng dữ liệu số.

Quy định rõ trách nhiệm và phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các bộ, ngành, địa phương trong xây dựng, phát triển, ứng dụng dữ liệu, bảo đảm kịp thời, thống nhất, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

*Ba là, phát triển kinh tế - xã hội*

Thúc đẩy hình thành thị trường dữ liệu, hỗ trợ phát triển sản phẩm dịch vụ dựa trên dữ liệu, các giao dịch thương mại trên môi trường số được thường xuyên, liên tục, an toàn và minh bạch hơn.

Hình thành và từng bước mở rộng kho dữ liệu tổng hợp, kho dữ liệu mở để người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng phục vụ sáng tạo, triển khai các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh mới góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số và xây dựng xã hội số.

*Bốn là, phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia*

Trung tâm dữ liệu quốc gia khi đưa vào triển khai hoạt động sẽ là tiền đề để thúc đẩy quá trình phát triển và đẩy mạnh khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; góp phần thực hiện mục tiêu nâng tầm chiến lược phát triển kinh tế số của Việt Nam theo kịp các quốc gia trên thế giới, bảo đảm điều kiện cho Việt Nam phát triển và hòa nhập với nền kinh tế số của thế giới.

## **2. Quan điểm xây dựng dự án Luật**

Quan điểm xây dựng dự án Luật Dữ liệu:

*Một là,* quán triệt và cụ thể hóa quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về dữ liệu; phù hợp với tiến trình hội nhập, mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế; phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

*Hai là,* bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số quốc gia, góp phần xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, xã hội số.

*Ba là,* việc xây dựng dự án Luật được tiến hành trên cơ sở tổng kết thực tiễn trong những năm qua; khắc phục những tồn tại, bất cập, hạn chế; thực hiện thống nhất, đồng bộ, sử dụng hiệu quả thông tin trong các cơ sở dữ liệu, phục vụ công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội, góp phần phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và các vi phạm pháp luật.

*Bốn là,* tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc khai thác, vận hành Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia; bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.

*Năm là,* tham khảo có chọn lọc pháp luật về quản lý dữ liệu của một số nước, phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam.

### **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ ÁN LUẬT**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về xây dựng, phát triển, xử lý, quản trị dữ liệu; ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu; Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; Trung tâm dữ liệu quốc gia; sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; quản lý nhà nước về dữ liệu; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động về dữ liệu.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động về dữ liệu tại Việt Nam.

### **IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT**

Ngày 23/7/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 48/2024/UBTVQH15 điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, trong đó giao Chính phủ trình Quốc hội cho ý kiến về dự án Luật Dữ liệu tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024) và thông qua tại kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025). Trên cơ sở đó, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công an thực hiện trình tự, thủ tục xây dựng dự án Luật Dữ liệu theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

1. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự án Luật.
2. Ban hành Kế hoạch xây dựng dự án Luật.
3. Xây dựng hồ sơ dự án Luật.
4. Đăng tải hồ sơ dự án Luật trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Công an để lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; gửi xin ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, bộ, ban, ngành, địa phương và Công an các đơn vị, địa phương về dự án Luật.
5. Tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập cho ý kiến về dự án Luật.
6. Tiếp thu các ý kiến tham gia, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật, gửi Bộ Tư pháp thẩm định.
7. Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật.
8. Trình Chính phủ hồ sơ dự án Luật.
9. Tiếp thu ý kiến của các Thành viên Chính phủ, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật trình Quốc hội.

### **V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT**

#### **1. Bố cục**

Dự thảo Luật gồm 07 chương, 67 điều.

## 2. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

- Chương I. Quy định chung, gồm 09 điều (Điều 1 đến Điều 9), quy định về: Phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; áp dụng Luật Dữ liệu; nguyên tắc xử lý và bảo vệ dữ liệu; nội dung quản lý nhà nước về dữ liệu; người làm công tác dữ liệu trong cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; hợp tác quốc tế về dữ liệu; các hành vi bị nghiêm cấm.

- Chương II. Xây dựng, phát triển, xử lý, quản trị, quản lý dữ liệu; ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu; Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia, gồm 23 điều (từ Điều 10 đến Điều 32), quy định về: Thu thập, số hóa, tạo lập dữ liệu và xác lập quyền sở hữu dữ liệu; bảo đảm chất lượng dữ liệu; phân loại dữ liệu; lưu trữ dữ liệu; kết hợp, điều chỉnh, cập nhật dữ liệu; Chiến lược dữ liệu; quản trị dữ liệu; kết nối, chia sẻ, điều phối dữ liệu; cung cấp dữ liệu cho cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; phân tích, tổng hợp dữ liệu; xác nhận, xác thực dữ liệu; công khai dữ liệu; truy cập, truy xuất dữ liệu; mã hóa, giải mã dữ liệu; sao chép, truyền đưa, chuyển giao dữ liệu; chuyển dữ liệu ra nước ngoài, cho tổ chức, cá nhân nước ngoài; thu hồi, xóa, hủy dữ liệu; ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý, quản lý, quản trị, sử dụng, khai thác dữ liệu; xác định và quản lý rủi ro phát sinh trong xử lý dữ liệu; Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia; nguyên tắc bảo vệ dữ liệu; biện pháp bảo vệ dữ liệu; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu.

- Chương III. Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, gồm 07 điều (từ Điều 33 đến Điều 39), quy định về: Nguyên tắc xây dựng, phát triển Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; thu thập, cập nhật, đồng bộ dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; trách nhiệm cung cấp dữ liệu của cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, cá nhân, tổ chức khác; mối quan hệ giữa Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, công dịch vụ công quốc gia và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác; phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và cơ sở dữ liệu khác do cơ quan nhà nước quản lý.

- Chương IV. Xây dựng, phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia, gồm 08 điều (từ Điều 40 đến Điều 47), quy định về: Xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia; trách nhiệm của Trung tâm dữ liệu quốc gia; đăng ký, cấp tài nguyên hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia; nâng cấp, bảo trì, sửa chữa hạ tầng, thiết bị đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; bảo đảm nguồn lực hoạt động xây dựng, phát triển của Trung tâm dữ liệu quốc gia; bảo vệ dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; mối quan hệ giữa Trung tâm dữ liệu quốc gia với các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu.



- Chương V. Sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu, gồm 08 điều (từ Điều 48 đến Điều 55), quy định về: Sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu, phân tích, tổng hợp dữ liệu, sàn giao dịch dữ liệu; sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu; sản phẩm, dịch vụ xác thực điện tử đối với thông tin không gắn với chủ thể danh tính điện tử; sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu; sàn giao dịch dữ liệu; trách nhiệm của tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu, phân tích, tổng hợp dữ liệu, sàn giao dịch dữ liệu; xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển thị trường dữ liệu, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

- Chương VI. Tổ chức thực hiện, gồm 10 điều (từ Điều 56 đến Điều 65), quy định về: Trách nhiệm quản lý nhà nước về dữ liệu; trách nhiệm của Văn phòng Trung ương Đảng; trách nhiệm của các cơ quan Đảng ở Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy; trách nhiệm của Bộ Công an; trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông; trách nhiệm của Bộ Quốc phòng; trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ; trách nhiệm của Bộ Nội vụ; trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ; trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chương VII. Điều khoản thi hành, gồm 02 Điều (Điều 66 và Điều 67), quy định về: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan; hiệu lực thi hành.

### **3. Về phân cấp, phân quyền trong dự án Luật**

#### ***3.1. Phân cấp về thẩm quyền phân loại dữ liệu***

Điều 12 dự thảo Luật quy định phân cấp về phân loại dữ liệu như sau:

(1) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu thuộc lĩnh vực quản lý.

(2) Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dữ liệu cốt lõi (trừ dữ liệu do Bộ Quốc phòng quản lý).

#### ***3.2. Phân cấp về thẩm quyền quyết định việc chuyển giao dữ liệu ra nước ngoài, cho tổ chức, cá nhân nước ngoài***

Điều 25 dự thảo Luật quy định phân cấp về thẩm quyền quyết định việc chuyển giao dữ liệu ra nước ngoài, cho tổ chức, cá nhân nước ngoài như sau:

(1) Thủ tướng Chính phủ quyết định việc cung cấp, chuyển giao dữ liệu cốt lõi quốc gia.

(2) Bộ Quốc phòng chủ trì thực hiện xác định, đánh giá tác động và quyết định cung cấp, chuyển giao các dữ liệu quan trọng thuộc lĩnh vực quân sự, quốc phòng, cơ yếu.

(3) Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện đánh giá tác động việc chuyên giao dữ liệu quan trọng không thuộc điểm b khoản này. Chủ quản dữ liệu quyết định việc chuyên giao dữ liệu quan trọng sau khi đã đạt đánh giá tác động.

### **3.3. Phân quyền quản lý nhà nước về dữ liệu**

Chương VI dự thảo Luật quy định về phân quyền quản lý nhà nước về dữ liệu. Theo đó, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về dữ liệu. Bộ Công an là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước về dữ liệu. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về dữ liệu trong lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

## **4. Về thủ tục hành chính**

Dự thảo Luật Dữ liệu dự kiến ban hành mới một số thủ tục hành chính. Các thủ tục hành chính này đã được đánh giá tác động chi tiết của thủ tục hành chính theo quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (*có Bản đánh giá thủ tục hành chính kèm theo*).

Dự thảo Luật dự kiến giao Chính phủ quy định chi tiết đối với các thủ tục hành chính này, cụ thể là:

1. Khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.
2. Đăng ký, cấp tài nguyên hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia.
3. Cấp chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu.
4. Cấp chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu.
5. Cấp giấy phép thành lập sàn giao dịch dữ liệu.
6. Đánh giá tác động việc chuyên dữ liệu ra nước ngoài.

## **VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT**

### **1. Về bảo đảm nguồn nhân lực**

Việc bảo đảm nguồn nhân lực trong triển khai thi hành Luật Dữ liệu cơ bản là đội ngũ những người làm công tác xử lý, quản trị dữ liệu hiện có của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội. Dự án Luật không quy định về biên chế, tổ chức của Trung tâm dữ liệu quốc gia mà giao Bộ trưởng

Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy Trung tâm dữ liệu quốc gia. Việc thành lập Trung tâm dữ liệu quốc gia sẽ do Chính phủ quyết định theo thẩm quyền và dự kiến Trung tâm dữ liệu quốc gia là một đơn vị mới thuộc Bộ Công an. Trong giai đoạn từ nay đến năm 2030, dự kiến Trung tâm dữ liệu quốc gia sẽ thu hút, đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ nhân lực thực hiện vận hành, quản trị hệ thống đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế trong quản trị dữ liệu.

## **2. Về bảo đảm nguồn tài chính**

a) Việc bảo đảm nguồn lực triển khai thi hành Luật về cơ bản do ngân sách nhà nước bảo đảm và nguồn thu từ việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu. Việc xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia hiện đang triển khai thực hiện trên cơ sở thi hành Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia nên không làm phát sinh đột biến chi ngân sách nhà nước (*dự kiến chi phí xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia trong giai đoạn 01 (đến năm 2025) là khoảng 20.000 tỷ đồng*). Trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia số 1, căn cứ vào tình hình và nhu cầu thực tế, Bộ Công an sẽ tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các dự án xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia trong các giai đoạn đầu tư tiếp theo phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026 - 2030 để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí và phù hợp nhất với sự phát triển của công nghệ. Do vậy, việc triển khai thi hành Luật là hoàn toàn khả thi.

Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phát huy vai trò thường trực trong việc hướng dẫn, bố trí kinh phí triển khai Đề án 06 đã có nhiều hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương bố trí nguồn kinh phí triển khai Đề án 06 trong phạm vi tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao (*Công văn số 933/BKHĐT-QPAN ngày 16/02/2022, Công văn số 4275/BKHĐT-ĐKKD ngày 27/6/2022, Công văn số 3199/BKHĐT-ĐKKD ngày 27/4/2023 và Công văn số 3378/BKHĐT-ĐKKD ngày 05/5/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Công văn số 933/BTC ngày 09/2/2022 của Bộ Tài chính*). Do vậy việc bảo đảm kinh phí cho các Bộ, ngành, địa phương để triển khai các nhiệm vụ, nội dung quy định trong Luật (như để chuẩn hóa dữ liệu, mua sắm trang thiết bị, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực...) là khả thi.

b) Kinh phí bồi dưỡng, tập huấn, tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tổ chức thi hành Luật Dữ liệu sau khi được Quốc hội thông qua và kinh phí phục vụ việc quản lý, duy trì hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia; đầu tư cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực công nghệ bảo đảm cho xây dựng, quản lý Trung tâm dữ liệu quốc gia. Việc sử dụng kinh phí phải đúng mục đích, nội dung, chế độ, định mức chi theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật Dữ liệu, Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Luật; (2) Báo cáo thẩm định về dự án Luật; (3) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định về dự án Luật; (4) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự án Luật; (5) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật; (6) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự án Luật; (7) Báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật; (8) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; (9) Bản chụp các ý kiến góp ý và các tài liệu khác có liên quan).*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- VPCP: BTCN, Các PCN,  
các Vụ, Cục: NC, KSTT, QHĐP;
- Lưu: VT, PL (2).



**Thượng tướng Lương Tam Quang**